

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 1260 /SGDDĐT - GDTX
V/v báo cáo tổng kết năm học 2019-2020
đối với giáo dục thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 23 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng giáo dục và đào tạo;
- Các trung tâm GDNN-GDTX;
- Các trung tâm ngoại ngữ tư thực.

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 2652/BGDĐT-GDTX ngày 20/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 đối với giáo dục thường xuyên (GDTX).

Để có cơ sở tổng hợp, xây dựng báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 đối với GDTX, cụ thể như sau:

1. Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 theo Công văn số 1432/SGDDĐT-GDTX ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 đối với GDTX.

2. Báo cáo thống kê số liệu: ghi đầy đủ thông tin, chính xác số liệu theo mẫu/biểu, gửi kèm theo (chú ý ghi đủ số liệu về người mù chữ), thống kê xếp loại về trung tâm học tập cộng đồng theo Công văn số 2553/BGDĐT-GDTX ngày 18/4/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Đề cương báo cáo và file biểu mẫu thống kê được gửi kèm công văn này).

Báo cáo của các đơn vị gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (*qua Phòng Giáo dục thường xuyên - Giáo dục chuyên nghiệp*) chậm nhất vào ngày 31/7/2020; bản mềm theo hộp thư điện tử: phonggdtx.gialai@gmail.com.

Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, Phó giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.GDTX-GDCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Long

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 đối với GDTX

*(Kèm theo Công văn số 1260 /SGDDĐT-GDTX ngày 23 tháng 7 năm 2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

PHẦN I

KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM HỌC 2019-2020

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUNG

Tóm tắt tình hình thực hiện các nhiệm vụ chung theo Công văn số 1432/SGDDĐT-GDTX ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 đối với GDTX.

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Đánh giá tóm tắt kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” và Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”; Đề án “Phát triển đào tạo từ xa”.

- Tình hình thực hiện các mục tiêu đề án;
- Kết quả đạt được;
- Tồn tại, khó khăn và giải pháp;
- Kiến nghị, đề xuất.

2. Nội dung dành cho trung tâm GDTX

2.1. Đánh giá công tác của Trung tâm GDTX tỉnh

- Việc triển khai chương trình GDTX cấp THCS, THPT (nếu có);
- Việc tổ chức dạy ngoại ngữ, tin học; tổ chức thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; tư vấn, giới thiệu du học nước ngoài,...;
- Việc tổ chức bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông; công tác phối hợp mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng;
- Việc thực hiện liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng;
- Kiến nghị, đề xuất.

2.2. Đánh giá công tác của trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện

- Việc triển khai chương trình GDTX cấp THCS, THPT;
- Giải pháp tăng cường kiến thức cho học viên, ôn thi tốt nghiệp cho học viên GDTX;

- Việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn;
- Việc tổ chức bồi dưỡng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; phối hợp mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng;
- Việc dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề nhằm đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở;
- Kiến nghị, đề xuất.

3. Đối với phòng GDĐT: Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo trung tâm học tập cộng đồng

- Công tác tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên;
- Công tác biên soạn tài liệu cho trung tâm học tập cộng đồng;
- Việc huy động các nguồn lực cho trung tâm, xây dựng mạng lưới giáo viên, báo cáo viên;
- Công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại trung tâm,...;
- Kiến nghị, đề xuất.

4. Đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học: Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của trung tâm ngoại ngữ, tin học

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn, quy định và các văn bản hướng dẫn các trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn.
- Tình hình cấp phép hoạt động, dừng hoạt động đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học;
- Việc công khai danh sách (thông tin, các điều kiện đảm bảo chất lượng,...) các trung tâm ngoại ngữ, tin học tại địa phương;
- Việc liên kết với các trường học để dạy tiếng Anh cho học sinh,...;
- Việc ban hành các chính sách của địa phương đối với học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (nếu có),...;
- Kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn;
- Việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của các trung tâm ngoại ngữ, tin học.
- Kiến nghị, đề xuất.

5. Đối với các trung tâm giáo dục kỹ năng sống: Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn, quy định và các văn bản hướng dẫn và hoạt động giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn;

- Tình hình cấp phép hoạt động, dừng hoạt động đối với các cơ sở thực hiện giáo dục kỹ năng sống (nếu có);

- Việc công khai danh sách (thông tin, các điều kiện đảm bảo chất lượng,...) các cơ sở thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn;

- Việc liên kết của các cơ sở thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống với các trường học để dạy kỹ năng sống cho học sinh, học viên, ...;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra hoạt động của các cơ sở thực hiện giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn;

- Việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của các cơ sở thực hiện giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn;

- Kiến nghị, đề xuất.

6. Đánh giá công tác công tác truyền thông về GDTX, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập

- Việc xây dựng kế hoạch truyền thông;

- Công tác phối hợp với các báo, đài địa phương phát sóng các tin, bài, phóng sự về GDTX, xây dựng xã hội học tập; nêu gương các điển hình tiên tiến, các mô hình hoạt động hiệu quả,...

7. Các nhiệm vụ khác

- Đánh giá việc triển khai thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BGD ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá, xếp loại “ Cộng đồng học tập ” cấp xã;

- Đánh giá công tác phối hợp với Hội Khuyến học: đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” (thôn/bản/ấp/tổ dân phố), “Đơn vị học tập”; thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng”;

- Đánh giá việc triển khai Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

- Đánh giá việc tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và tổ chức ngày sách Việt Nam hàng năm;

- Đánh giá việc thực hiện chế độ chính sách và công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong các cơ sở GDTX;

- Đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý Giáo dục thường xuyên;

- Đánh giá công tác tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo GDTX;

- Đánh giá công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Đánh giá công tác báo cáo, thi đua, khen thưởng đối với GDTX của địa phương;

- Đánh giá các nhiệm vụ GDTX khác thực hiện trên địa bàn (nếu có).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020 – 2021

I. NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2020 – 2021

(Nêu cụ thể trên từng lĩnh vực)

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị, đề xuất và giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020 – 2021 đối với GDTX.

1. Giải pháp thực hiện.

2. Kiến nghị, đề xuất.

Biểu số 1 - GDTX**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

Cuối năm học: 2019 - 2020

(Có đến 15 tháng 7 năm 2020)

(Kèm theo Công văn số 1260 /SGDDT-GDTX ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Sở GDĐT)

Đơn vị báo cáo:

Thời gian nộp thống kê: trước ngày 31/7/2020

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo dục
và Đào tạo

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong tổng số		
			Nữ	Dân tộc	
				Tổng số dân tộc	Trong đó Nữ
1. Tổng số trung tâm	trung tâm				
1.1 Trung tâm GDTX (HN&GDTX) tỉnh	"				
1.2 Trung tâm GDTX quận, huyện	"				
Chia ra: - TT GDTX	"				
- TT GDNN - GDTX (sáp nhập theo TTLT số 39/2015)	"				
- TT GDTX - DN - HN (các tên gọi khác, nêu cụ thể)	"				
1.3 Trung tâm học tập cộng đồng	"				
Trong đó: - Số TTHTCĐ đã sáp nhập với nhà văn hóa xã, bưu điện xã	"				
1.4 Trung tâm ngoại ngữ - tin học (NN - TH) được cấp phép hoạt động	"				
Trong đó: - TT NN - TH (công lập)	"				
- TT NN - TH (ngoài công lập)	"				
1.5 Trung tâm ngoại ngữ (NN) được cấp phép hoạt động	"				
Trong đó: - TT NN (công lập)	"				
- TT NN (ngoài công lập)	"				
- TT NN có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP	"				
1.6 Trung tâm tin học (TH) được cấp phép hoạt động	"				
Trong đó: - TT TH (công lập)	"				
- TT TH (ngoài công lập)	"				
- TT TH có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP	"				
1.7 Trung tâm giáo dục kỹ năng sống	"				
Trong đó: TT KNS có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP	"				
1.8 Các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ GDTX	"				
1.9 Trường Bổ túc văn hóa?	trường				
2. Lớp học văn hóa	lớp				

- Số lớp học chương trình GDTX cấp THCS	"				
- Số lớp học chương trình GDTX cấp THPT	"				
Chia ra: - Lớp 10	"				
- Lớp 11	"				
- Lớp 12	"				
3. Học viên	người				
3.1 Học viên học chương trình GDTX (tổng số)	"				
a. Học viên học chương trình GDTX cấp THCS	"				
Chia ra: - Lớp 6	"				
THCS Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập	"				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"				
- Lớp 7	"				
THCS Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập	"				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"				
- Lớp 8	"				
THCS Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập	"				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"				
- Lớp 9	"				
THCS Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập	"				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"				
b. Học viên học chương trình GDTX cấp THPT	"				
Chia ra: - Lớp 10	"				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông	"				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN	"				
+ Người lao động	"				
Trong đó: Công nhân	"				
LĐ nông thôn	"				
HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN	,				
+ Cán bộ công chức cấp xã	"				
- Lớp 11	"				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông	"				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN	"				
+ Người lao động	"				
Trong đó: Công nhân	"				
LĐ nông thôn	"				

nghề, TCCN	HV học VH kết hợp với học				
	+ Cán bộ công chức cấp xã	"			
	- Lớp 12	"			
	+ Học viên trong độ tuổi phổ thông	"			
nghề, TCCN	Trong đó: HV học VH kết hợp với học	"			
	+ Người lao động	"			
	Trong đó: Công nhân	"			
	LĐ nông thôn	"			
nghề, TCCN	HV học VH kết hợp với học				
	+ Cán bộ công chức cấp xã	"			
	3.2 Học viên học xóa mù chữ và GDTTSKBC	"			
	Chia ra: - Xóa mù chữ	"			
	Trong đó: + 15 - 25 tuổi	"			
	+ 26 - 35 tuổi	"			
	+ 36 - 60 tuổi	"			
	- Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	"			
	Trong đó: + 15 - 25 tuổi	"			
	+ 26 - 35 tuổi	"			
	+ 36 - 60 tuổi	"			
	3.3 Số học viên học các lớp chuyên đề	lượt người			
	Trong đó: Số lượt học viên học tại các TTHTCD	"			
	Số học viên học tại các TT GDTX và TTGDNN – GDTX	"			
	3.4 Số học viên học tin học ứng dụng tại các cơ sở GDTX	người			
	Số lượng người được cấp chứng chỉ tin học ứng dụng	"			
	3.5 Số học viên học ngoại ngữ tại các cơ sở GDTX	"			
	Trong đó: - Số học viên học tiếng Anh	"			
	- Số học viên học tiếng Nga	"			
	- Số học viên học tiếng Trung	"			
	- Số học viên học các ngoại ngữ khác (nêu cụ thể)	"			
	Số lượng người được cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia	"			
	Số lượng người được cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	"			
	Số học sinh học ngoại ngữ ở các trung tâm NNTH đoạt giải tại các cuộc thi	"			
	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi phổ thông tham gia học ngoại ngữ	%			
	3.6 Số học viên học nghề ngắn hạn (dưới 6 tháng)	người			
	3.7 Số học viên học hướng nghiệp, học nghề phổ thông	"			

- Trung học cơ sở	"				
- Trung học phổ thông	"				
3.8 Số học viên học liên kết đào tạo	"				
Trong đó: - Số học viên tham gia học hệ vừa làm vừa học	"				
- Số học viên tham gia học theo hình thức liên kết đào tạo trực tuyến E- learning	"				
3.9 CBCC học tiếng dân tộc thiểu số	"				
3.10 Số TTGD TX tổ chức BDTX cho đội ngũ GVMN, PT theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT	trung tâm				
4.0 Số người học được BDTX theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT	người				
5.0 Số người học giáo dục kỹ năng sống	"				
6.0 Số người học các chương trình GD TX khác	"				
7. Dân số và người đạt chuẩn biết chữ	người				
7.1. Dân số trong độ tuổi	"				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi	"				
+ 26 - 35 tuổi	"				
+ 36 - 60 tuổi	"				
7.2. Người đạt chuẩn biết chữ	"				
a. Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	"				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi	"				
+ 26 - 35 tuổi	"				
+ 36 - 60 tuổi	"				
b. Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	"				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi	"				
+ 26 - 35 tuổi	"				
+ 36 - 60 tuổi	"				
7.3. Người tái mù chữ (trong số người được công nhận đạt chuẩn biết chữ các năm trước)	"				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi	"				
+ 26 - 35 tuổi	"				
+ 36 - 60 tuổi	"				
7.4. Đơn vị đạt chuẩn xóa mù chữ	x				
a. Đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ	xã				
- Mức độ 1	"				
- Mức độ 2	"				
b. Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ	huyện				
- Mức độ 1	"				
- Mức độ 2	"				

(Tiếp biểu số 1)

Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Trong tổng số				Nữ	Dân tộc	
			Hợp đồng	Biên chế		Tổng số dân tộc		Nữ	
				Tổng số biên chế	Trình độ				
					Đạt chuẩn				Trên chuẩn
6. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (Tổng số) = 6.1 + 6.2 + 6.3	Người								
Chi a ra	6.1. CBQL, GV, NV trung tâm GDTX cấp tỉnh	"							
	a. CBQL	"							
	b. Giáo viên	"							
	Chia ra: - GV dạy văn hóa	"							
	- GV dạy nghệ, chuyên đề	"							
	c. Nhân viên ⁽¹⁾ :	"							
	Chia ra: - Nhân viên thư viện	"							
	- Nhân viên thí nghiệm	"							
	- Nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ (2)	"							
	- Khác	"							
	6.2. CBQL, GV, NV trung tâm GDTX cấp huyện (TTGDTX, TT GDNN-GDTX, TT khác)	"							
	a. CBQL	"							
	b. Giáo viên	"							
	Chia ra: - GV dạy văn hóa	"							
	- GV dạy nghệ, chuyên đề	"							
	c. Nhân viên ⁽¹⁾ :	"							
	Chia ra: - Nhân viên thư viện	"							
	- Nhân viên thí nghiệm	"							
	- Nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ (2)	"							
	- Khác	"							
	6.3 CBQL, GV, NV trung tâm NN - TH	"							
	CBQL - GV - NV trong cơ sở công lập	"							
	Chia ra: - Cán bộ quản lý	"							
	- Giáo viên	"							
- Nhân viên	"								

	CBQL - GV - NV trong cơ sở tư thực	"							
	Chia ra: - Cán bộ quản lý	"							
	- Giáo viên	"							
	- Nhân viên	"							
6.4	CBQL, GV, cộng tác viên của TT HTCD	"							
	Chia ra: - Cán bộ quản lý	"							
	- Giáo viên biệt phái	"							
	- Báo cáo viên, cộng tác viên	"							

Nội dung		Đơn vị	Tổng số	Trong đó: XD mới ⁽³⁾
7. Cơ sở vật chất				
Tổng số phòng học, phòng bộ môn và phòng phục vụ học tập của TT GDTX/ HN – DN		Phòng		
Trong đó	- Phòng học	"		
	Chia ra: + Phòng kiên cố	"		
	+ Phòng bán kiên cố	"		
	+ Phòng học tạm	"		
	+ Phòng học nhờ, mượn	"		
	- Phòng thí nghiệm	"		
	- Phòng thư viện	"		
	- Phòng máy tính	"		
Tổng số phòng học, phòng bộ môn và phòng phục vụ học tập của TT NN-TH		Phòng		
Trong đó	- Phòng học	"		
	Chia ra: + Phòng kiên cố	"		
	+ Phòng bán kiên cố	"		
	+ Phòng học tạm	"		
	+ Phòng học nhờ, mượn	"		
Số TTHTCD có trụ sở hoặc văn phòng riêng		trụ sở/VP		
Số TTHTCD có tủ sách		Cái		
Số TTHTCD có máy tính nối mạng Internet		Cái		

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, thư viện, thí nghiệm và nhân viên phục vụ ...
- (2) Gồm những người hướng dẫn nghề trong các trường, xưởng trường
- (3) Số phòng học xây dựng mới đưa vào sử dụng trong năm học và báo cáo lần đầu

Lưu ý: Không ghi số liệu vào các ô có đánh dấu "x"

....., ngày tháng năm 2020.
Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu
(Ký tên)

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

Biểu số 2-GDTEX

CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH GDTEX CẤP THCS VÀ THPT

Cuối năm học: 2019 – 2020

(Có đến 15 tháng 7 năm 2020)

(Kèm theo Công văn số 1260 /SGDDT-GDTEX ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Sở GDĐT)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo

	HV học chương trình GDTEX cấp THCS (tổng số)	HV học chương trình GDTEX cấp THPT (tổng số)	Chia ra		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I. Học viên chia theo hạnh kiểm					
- Tốt					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Khá					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Trung bình					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Yếu					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
II. Học viên chia theo học lực					

- Giỏi					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Khá					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Trung bình					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Yếu					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- Kém					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
III. Học viên bỏ học					
IV. Số học viên đăng ký dự thi TNTHPT quốc gia					
V. Tỷ lệ học viên tốt nghiệp THPT/THCS ⁽⁴⁾					

(4) Tỷ lệ học viên tốt nghiệp THPT năm học 2019-2020 có thể báo cáo bổ sung ngay khi có công bố kết quả chính thức.

....., ngày tháng năm 2020

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

XẾP LOẠI CÁC TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Công văn số 1260 /SGDDĐT-GDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Sở GDĐT)

Huyện/Thị xã/Thành phố:

TT	Đơn vị	Số Xã, phường, thị trấn	XẾP LOẠI							
			TỐT		KHÁ		TB		YẾU	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
13										
14										
Tổng										

....., ngày.....tháng.....năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(2) Ghi theo đơn vị xã, huyện, thị trấn